

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi dưỡng con chung
và chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Lạc
2. Ông Lý Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Khang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi dưỡng con chung và chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp Thạnh An, xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang.

***Bị đơn:** anh **Lê Văn T1**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Trường Phú A, xã Trường Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Võ Thị D**, sinh năm 1939 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Trường Phú A, xã Trường Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Nguyễn Thị Út Đ**, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thanh An, xã Thanh Lộc, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh T1 chung sống với nhau từ năm 2004, đăng ký kết hôn theo quy định năm 2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì không còn phù hợp, anh T1 và chị không có con chung nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, chị đã về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2020, sau đó trở về sống với anh T1 vài tháng thì sống ly thân cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

- Về con chung: vợ chồng chị không có con chung, nên anh chị có nhận con nuôi là cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 11/8/2012, hiện do chị nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Tài sản chung: năm 2019, vợ chồng xây nhà với giá khoảng 200.000.000đồng, hai thửa đất ruộng 719 diện tích 2.585m², thửa 720 diện tích 4.777m², cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp Trường Phú A, xã Trường Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Chị yêu cầu chia đôi. Phần xe máy thì anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: nợ mẹ anh T1 là bà Võ Thị D 30.000.000đồng, mẹ chị là bà Nguyễn Thị Út Đ 02 chỉ vàng 24k, chị yêu cầu chia đôi số nợ này.

Bị đơn anh Lê Văn T1 trình bày:

Anh và chị T sống chung với nhau khoảng năm 2004 và đăng ký kết hôn năm 2009, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2020 thì chị T bỏ về quê ở huyện Giồng Riềng, Kiên Giang, sau đó, anh có qua rước về nhưng vợ chồng không thể hàn gắn và sống ly thân cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh không làm gì sai với vợ con, anh lo làm ăn, chị T thì yêu cầu anh phải thế chấp đất đai vay tiền ngân hàng tiêu xài nhưng anh không đồng ý từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nếu chị T muốn ly hôn thì anh yêu cầu Tòa giải quyết theo pháp luật vì anh không có lỗi nên anh không ký tên thuận tình ly hôn.

Về con chung: anh chị không có con chung, nên có nhận con nuôi là cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 11/8/2012, hiện do chị T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: năm 2019, vợ chồng xây nhà với giá khoảng 200.000.000đồng, hai thửa đất ruộng 719 diện tích 2.585m², thửa 720 diện tích 4.777m², cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp Trường Phú A, xã Trường Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ và 02 chiếc xe máy, anh đang quản lý 01 chiếc Future, chị T quản lý chiếc xe Wave. Nếu chị T yêu cầu chia tài sản chung thì anh cũng đồng ý chia theo quy định pháp luật, nhà và đất chia hai phần bằng nhau, anh sẽ giao hiện vật chứ không giao giá trị.

Về nợ chung: nợ mẹ anh là bà Võ Thị D 30.000.000đồng, mẹ chị T 02 chỉ vàng 24k, anh đồng ý chia đôi số nợ này. Mẹ anh vì tuổi cao nên không thể đi đến tòa án theo thư mời.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Đ trình bày:

Bà có cho chị T và anh T1 mượn vàng mua đất, thời gian cho mượn đã lâu bà không nhớ rõ, tính đến hiện nay thì anh chị còn nợ bà 02 chỉ vàng 24k. Bà yêu cầu trả lại cho bà số vàng này.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà cấp 4, các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng; đối với thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên theo quy định tại Điều

227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1 sống chung với nhau từ năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị đều thừa nhận cả hai đã sống ly thân từ tháng 4/2020, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ hai phía, bất đồng quan điểm sống, trong thời gian sống ly thân, anh chị không có động thái hàn gắn hôn nhân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu được ly hôn của chị T là có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[3] Về con chung: anh chị không có con chung, nên có nhận con nuôi là cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 11/8/2012, hiện do chị T nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu A, không yêu cầu cấp dưỡng, anh T1 cũng thống nhất nên giao cháu A cho chị T chăm sóc là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên hòa giải ngày 12/12/2022, anh T1 và chị T thống nhất chia tài sản chung, nợ chung nên đây là chứng cứ không phải chứng minh, yêu cầu của chị T có căn cứ chấp nhận.

[4.1] *Chia tài sản chung:*

[4.1.1] Đối với căn nhà cấp 4, diện tích 67,5m² có kết cấu cột bê tông cốt thép, nền gạch men, trần xốp, vách xây gạch, mái tol, móng cừ tràm (Biên bản thẩm định ngày 14/3/2023). Tại phiên tòa, chị T rút yêu cầu này, anh T1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp các bên tranh chấp và có yêu cầu thì được xem xét giải quyết trong vụ án khác.

[4.1.2] Quyền sử dụng đất thửa 719 và 720, cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp Trường Phú A, xã Trường Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, diện tích đo đạc thực tế 7.363,6m², giao cho anh T1 diện tích 3.681,8m² tại vị trí A và giao cho chị T diện tích 3.681,8m² tại vị trí B (thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 393/TTKTTNMT ngày 08/5/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

[4.2] *Chia nợ chung:* Anh T1 và chị T đều thừa nhận nợ bà Võ Thị D 30.000.000đồng và bà Nguyễn Thị Út Đ 02 chỉ vàng 24k. Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu giải quyết, bà D và bà Út Đ không yêu cầu độc lập nên không đặt ra xem xét, trường hợp các bên tranh chấp và có yêu cầu thì được xem xét giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 5.000.000 đồng chi phí tố tụng và chịu án phí chia tài sản chung (giá đất trồng lúa theo khung giá quy định là 70.000 đồng/m²), chia nợ chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 59, 60, 61, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 157, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 11/8/2012 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, anh Lê Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T1, không ai có quyền cản trở anh T1 thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà cấp 4, diện tích 67,5m² có kết cấu cột bê tông cốt thép, nền gạch men, trần xộp, vách xây gạch, mái tol, móng cừ tràm (Biên bản thẩm định ngày 14/3/2023). Trường hợp các bên tranh chấp và có yêu cầu sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

3.2. Giao cho anh Lê Văn T1 quyền sử dụng đất diện tích 3.681,8m² tại vị trí A và giao cho chị Nguyễn Thị T quyền sử dụng đất diện tích 3.681,8m² tại vị trí B (vị trí A, B được thể hiện theo Bản trích đo địa chính số 393/TTKTTNMT ngày 08/5/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ) cùng thuộc thửa 719 (GCN số vào sổ CH01341 cấp ngày 14/11/2013) và 720 (GCN số vào sổ CH01159 cấp ngày 10/6/2013), cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp Trường Phú A, xã Trường Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Lê Văn T1 và chị Nguyễn Thị T theo quyết định của Tòa án và theo thực tế sử dụng.

3.3. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia nợ chung. Trường hợp các bên tranh chấp và có yêu cầu sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

4.1. Về án phí: chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1 mỗi người phải chịu 12.886.300đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, cản trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005719 ngày 19/10/2022 của Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, chị T phải nộp thêm 1.342.300đồng.

4.2. Về chi phí tố tụng: chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1 mỗi người phải chịu 5.000.000đồng, anh T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho chị T 5.000.000đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc